TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 7 - 2018.
V/v tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hai.

Ông Phùng Hiếu Trung.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thanh Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 44/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Kim M - sinh năm: 1978 (*có mặt*).
Địa chỉ: Số nhà 27/23, Khu dân cư X, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Quách Văn N - sinh năm: 1977 (*có mặt*).
Địa chỉ: Số nhà 27/23, Khu dân cư X, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án nguyên đơn là chị Trần Kim M trình bày*:**

- Về hôn nhân: Chị M và anh Quách Văn N quen biết và tìm hiểu nhau khoảng 1 năm thì tổ chức đám cưới vào năm 2002 và đăng ký kết hôn ngày 22/7/2002 tại Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do tính

tình, quan điểm sống hai bên không còn phù hợp. Nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cự cãi, làm cho cuộc sống không hạnh phúc. Anh N nhiều lần đánh chị M vì ghen tuông vô cớ. Chị M có trình báo với Công an xã T để giải quyết, anh N có xin lỗi chị M nhưng sau đó lại tiếp tục ghen tuông, không sửa đổi. Tháng 11/2017, chị M đã nộp đơn xin ly hôn anh N nhưng được Tòa án hòa giải đoàn tụ để vợ chồng về chung sống; sau khi đoàn tụ anh N cũng không sửa đổi mà còn bạo lực tinh thần chị M, đe dọa giết chị M, dọa đốt nhà và tự tử. Mặc dù, vợ chồng sống chung nhà nhưng không còn quan tâm lẫn nhau, không ăn chung, không còn sinh hoạt vợ chồng. Ngoài ra, anh N thường xuyên đi nhậu với bạn nên chị M không thể chấp nhận cho anh N cơ hội hàn gắn tình cảm.

Nay chị M xác định không còn tình cảm với anh N, vợ chồng không ai quan tâm đến ai nên không thể hàn gắn trở lại chung sống. Chị M yêu cầu ly hôn anh Quách Văn N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Quách Hữu N1 - sinh ngày: 31/12/2002 và Quách Trần Tú M2 - sinh ngày: 06/7/2006 (*hiện hai con đang sống chung với chị M và anh N*). Khi ly hôn chị M yêu cầu được nuôi 02 con chung; Chị M yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định của pháp luật cho đến khi 02 con chung thành niên (*đủ 18 tuổi*).

- Về tài sản chung: Chị M và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống, chị M và anh N có vay của Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền 42.000.000 đồng. Chị M và anh N cùng thống nhất thỏa thuận là sau khi ly hôn chị M chịu trách nhiệm trả nợ vay cho Quỹ tín dụng nhân dân T nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bị đơn là anh Quách Văn N trình bày*:** Anh N thống nhất theo lời trình bày của chị Trần Kim M về thời gian chung sống, tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn. Đôi khi vợ chồng có cự cãi qua lại chỉ vì anh N nghi ngờ chị M có tình cảm với người khác, khi cự cãi thì vợ chồng cũng có những lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm nhau, anh N có đánh chị M nhưng đã xin lỗi chị M. Tháng 11/2017, chị M có nộp đơn xin ly hôn anh N, Tòa án hòa giải, chị M có hứa cho anh N cơ hội thử thách trong 03 năm. Tuy nhiên, sau đó chị M không quan tâm đến anh N, vợ chồng không ngủ chung với nhau, chị M luôn tỏ thái độ lạnh nhạt với anh N. Anh N cảm thấy buồn nên thường đi uống rượu với bạn bè thì chị M lại trách anh N làm cho không khí gia đình thêm nặng nề, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh N nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng không có gì lớn, vợ chồng vẫn còn sống chung nhà, chưa ly thân. Anh N vẫn còn thương chị M nên không đồng ý ly hôn, anh N yêu cầu được đoàn tụ tiếp tục chung sống với chị M.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Quách Hữu N1 - sinh ngày: 31/12/2002 và Quách Trần Tú M1 - sinh ngày: 06/7/2006 (*hiện hai con đang sống chung với chị M và anh N*). Trường hợp ly hôn, anh N cũng đồng ý giao 02 con chung cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định của pháp luật cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh N và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh N và chị M có vay của Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền 42.000.000 đồng. Anh N và chị M cùng thống nhất thỏa thuận là sau khi ly hôn chị M chịu trách nhiệm trả nợ vay cho Quỹ tín dụng nhân dân T; do Quỹ tín dụng nhân dân T không có yêu cầu khởi kiện yêu cầu trả nợ trong vụ án này nên anh N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 13/7/2018, cháu Quách Hữu N1 có ý kiến như sau: Khi cha mẹ ly hôn, không còn sống chung với nhau thì cháu không có ý kiến gì về việc sống chung với ai, đồng ý theo quyết định của Tòa án và có nguyện vọng được sống chung với em tên Quách Trần Tú M1.

* Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 06/6/2018, cháu Quách Trần Tú M1 có ý kiến như sau: Khi cha mẹ ly hôn, không còn sống chung với nhau thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ và anh tên Quách Hữu N1.

* *Quỹ tín dụng nhân dân T có văn bản ý kiến trình bày:* Quỹ tín dụng không có yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị M và anh N trả nợ cho Quỹ tín dụng trong vụ án ly hôn này.

***Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa*:**

- Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Kim M. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung sau ly hôn. Chị M được quyền nuôi dưỡng hai con tên Quách Hữu N1 và Quách Trần Tú M1; Anh N đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung bằng 50% mức lương cơ bản do Nhà nước quy định cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự đều không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Trần Kim M khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Quách Văn N là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Chị Trần Kim M và anh Quách Văn N chung sống vợ chồng từ năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày

22/7/2002 tại Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh N được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa chị M và anh N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh N nghi ngờ ghen tuông, không tin tưởng chị M; dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, khi cự cãi thì vợ chồng cũng có những lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm lẫn nhau, làm cho tình cảm ngày càng bị tổn thương, rạn nứt không thể hàn gắn. Tháng 11/2017, chị M đã nộp đơn xin ly hôn anh N, được Tòa án động viên, hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống. Sau khi vợ chồng được đoàn tụ tiếp tục chung sống nhưng cuộc sống giữa chị M và anh N cũng không có hạnh phúc, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, làm cho hòa khí trong gia đình càng thêm nặng nề, chị M không còn quan tâm đến anh N, luôn lạnh nhạt với anh N, không ăn chung, ngủ chung. Mặc dù, vợ chồng còn sống chung nhà, nhưng không còn sự quan tâm lẫn nhau; quá trình làm việc, Tòa án cũng đã động viên, hòa giải nhiều lần để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng phía chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh N, không đồng ý đoàn tụ chung sống với anh N.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được …*".

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ khi Tòa án hòa giải đoàn tụ đến nay, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống gia đình không được hạnh phúc, anh N cũng đã có ý định tự tử (*tự rạch tay, tự gây thương tích*). Nếu chị M và anh N đoàn tụ tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc; đồng thời tại phiên tòa hôm nay, chị M xác định là không còn tình cảm, không muốn hàn gắn, tiếp tục chung sống vợ chồng với anh N và có yêu cầu xin được ly hôn anh N. Do đó, xét yêu cầu của chị M yêu cầu xin được ly hôn anh N là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Quách Hữu N1 - sinh ngày: 31/12/2002 và Quách Trần Tú M1 - sinh ngày: 06/7/2006 (*hiện hai con đang sống chung với chị M và anh N*). Chị M và anh N cùng thống nhất thỏa thuận: Chị M được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung; anh N đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định của pháp luật cho đến khi 02 con chung thành niên (*đủ 18 tuổi*).

Xét thấy, sự thỏa thuận về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn giữa chị M và anh N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp nguyện vọng, quyền lợi của cháu N và cháu M, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- V*ề tài sản chung*: Chị M và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung*: Chị M, anh N và Quỹ tín dụng nhân dân T cùng thống nhất hiện nay chị M và anh N còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền là 36.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong vụ kiện ly hôn giữa chị M và anh N về phía Quỹ tín dụng T không có yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị M và anh N trả nợ, để các bên tự thỏa thuận và có đơn xin không tham gia tố tụng; đồng thời giữa các bên đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về hôn nhân gia đình và cấp dưỡng nuôi con*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Kim M. Chị Trần Kim M và anh Quách Văn N ly hôn.

2. *Về con chung*: Chị Trần Kim M được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Quách Hữu N1 - sinh ngày: 31/12/2002 và Quách Trần Tú M1 - sinh ngày: 06/7/2006 (*hiện hai con đang sống chung với chị M và anh N*).

- Anh Quách Văn N có trách nhiệm giao hai con chung Quách Hữu N1 - sinh ngày: 31/12/2002 và Quách Trần Tú M1 - sinh ngày: 06/7/2006 cho chị Trần Kim M nuôi dưỡng.

- Anh Quách Văn N cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng mỗi cháu bằng 50% mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N1 và cháu M1 đủ 18 tuổi.

- Anh Quách Văn N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc 02 con chung, không ai được cản trở.

3. V*ề tài sản chung*: Chị M và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*: Chị Trần Kim M nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về hôn nhân gia đình*); được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000972 ngày 05/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Quách Văn N nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về cấp dưỡng nuôi con*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố S;
- Chi cục THADS TP. S;
- UBND Phường H, TP S;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

Trần Quốc Danh